

**-- TÒA ÁN NHÂN DÂN
NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HUYỆN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66** /2019/ HNGĐ- ST
Ngày: 26/9/2019
V/v: “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH,
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Vinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Điệp
2. Bà Trần Thanh Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 337/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng Bích N, sinh năm 1988

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1983

Cùng HKTT: ấp N, xã A, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

Cùng địa chỉ tạm trú: Ấp N xã P (nay đổi thành Khu phố P, Thị trấn P), huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Chị N có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2019, các lời khai và tại phiên Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Bích N trình bày:

Chị và anh Trần Văn T chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01 ngày 24/7/2007.

Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, nhiều lần cãi vã nhau. Anh T bỏ nhà ra ở

riêng với người phụ nữ khác khoảng 02 năm nay. Vì con nên chị và anh T đoàn tụ lại để vợ chồng xây dựng lại hạnh phúc, tuy nhiên anh T vẫn không thay đổi.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn không ai thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm đối với anh T không còn. Do vậy, chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 01/02/2011 và Trần Nguyễn Hữu N, sinh ngày 05/05/2017. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2019 bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Hồng Bích N chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số 01 ngày 24/7/2007.

Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp về tính tình nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống do đó vợ chồng sống với nhau nhưng không hạnh phúc. Nay chị N xin ly hôn anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 01/2/2011 và Trần Nguyễn Hữu N, sinh ngày 05/5/2017. Khi ly hôn anh T đồng ý giao cả hai con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì lý do riêng nên anh T đề nghị Tòa xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý và xác định quan hệ pháp luật: “Ly hôn” đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục.

Về đường lối: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Bích N, xử cho chị N được ly hôn với anh T. Về con chung giao hai cháu Trần Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 01/2/2011 và Trần Nguyễn Hữu Nghĩa, sinh ngày 05/5/2017 cho chị N nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1 Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Hồng Bích N xin ly hôn với anh Trần Văn T, anh T đăng ký cư trú tại ấp 3 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là “tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng Bích N, bị đơn là anh Trần Văn T. Anh T có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2].Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và UBND xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị N thì thấy: Tại các lời khai và tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh T, chị cho rằng quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nên nhiều lần cãi vã nhau, anh T bỏ nhà ra ở riêng với người phụ nữ khác khoảng 02 năm nay. Nhiều lần chị khuyên ngăn không được nên chị N xin được ly hôn với anh T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2019 anh T cũng thừa nhận việc vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T kết hôn năm 2007 tại UBND xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N cho ly hôn với anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nguyễn Thiện Nh, sinh ngày 01/2/2011 và Trần Nguyễn Hữu N, sinh ngày 05/5/2017. Cháu Nh đã trên bảy tuổi và có ý kiến xin được ở với mẹ. Chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng đồng ý giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con, do đó cần ghi nhận ý kiến của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình.

Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 220, 227, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 85, 89, 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: : Cho chị Nguyễn Hồng Bích N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là : Trần Nguyễn Thiện Nh- sinh ngày 01/2/2011 và Trần Nguyễn Hữu N- sinh ngày 05/5/2017, cho chị Nguyễn Hồng Bích N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con...)

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

5. Về án phí: Nguyễn Hồng Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000618 ngày 08/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. (Chị N đã nộp xong).

Báo cho chị Nguyễn Hồng Bích N biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TA tỉnh ĐN;
- VKS, THA, CA huyện;
- Bị cáo; bị hại
- Lưu hồ sơ, TA.

Nguyễn Phước Vinh

